

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-PT
Ngày 23 - 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 55/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Kim H, sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp B, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Thế H1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp T, xã T, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Người kháng cáo: Anh Trần Thế H1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Chị H và anh H1 quen biết nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 có một người con chung tên Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu chị H và anh H1 sống hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm gần đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 không hàn gắn được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thế H1 trình bày: Anh H1 và chị H quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống giữa anh H1 và chị H có một người con chung tên Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Quá trình sống chung vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau trong vấn đề kinh tế nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ và bình thường trong cuộc sống hôn nhân, không nghiêm trọng đến mức độ dẫn đến ly hôn. Anh H1 không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị H do còn tình cảm với chị H và mong muốn đoàn tụ lo cho con trưởng thành.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Kim H được ly hôn với anh Trần Thế H1.

Về con chung: Giao bé Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021 cho chị Lâm Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thế H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, anh H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không chấp nhận cho chị H ly hôn với anh H1. Về con chung: Do đề nghị không chấp nhận cho ly hôn nên con chung do anh H1 và chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H1 trình bày giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh và chị H đoàn tụ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1 yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Chị H trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của anh H1. Thống nhất như bản án sơ thẩm đã giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thế H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 55/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Về án phí: Anh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh H1 không đồng ý yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H1 tự tìm hiểu nhau đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, chị H và anh H1 đã xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 02/2024 chị H về nhà mẹ ruột sinh sống. Chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Tại văn bản ý kiến ngày 13/6/2024 của anh H1 (bút lục 24) có trình bày: Anh không đồng ý ly hôn vì quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ có một việc hiểu lầm từ mua hàng trả góp nên chị H giận bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2024 đến nay. Anh H1 không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với chị H, anh mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng chị H kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H1 cũng thừa nhận thời gian anh chị sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh H1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ, hai bên cũng không còn cùng nhau thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Từ đó cho thấy, tình cảm hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 là phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là có căn cứ.

[1.2] Về con chung: Chị H và anh H1 thừa nhận anh chị có một người con chung tên Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh H1 cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét, anh H1 và chị H đều trình bày có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Cụ thể, chị H cung cấp mức thu nhập ổn định khoảng trên 15.000.000đồng/tháng và chị H có khoản tiền tại tài khoản ngân hàng trên 50.000.000 đồng. Anh H1 cung cấp chỗ ở ổn định có thu hoạch từ việc làm rẫy 10.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, con chung Trần Lâm Phú H2 sinh ngày 08/11/2021 chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặt khác, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc giao con cho người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng khi cha mẹ ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, trong đó bao gồm điều kiện nuôi dưỡng, môi trường sống, học hành và việc chăm sóc, giáo dục con. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cho rằng anh H1 không biết chữ nên việc quan tâm và hướng dẫn học hành cho con sẽ có phần hạn chế, anh H1 cũng thừa nhận anh không biết đọc, viết chữ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, đảm bảo

được lợi ích tốt nhất của con chung, cần được giữ nguyên, vì vậy kháng cáo của anh H1 không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thế H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên anh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Thế H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Kim H được ly hôn với anh Trần Thế H1.

2. Về con chung: Giao con chung của chị H và anh H1 là Trần Lâm Phú H2, sinh ngày 08/11/2021 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Thế H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Anh H1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nộp ngày 25/9/2024 theo biên lai thu số N₀ 0012883 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Anh H1 đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND TX B, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TX B, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Tân

Đặng Duy Mỹ Ngọc

Võ Thị Mỹ Dung

